| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 98/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Trần Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 821/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 976/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2018 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 2904/TB-TA ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh E, sinh năm 1963; nơi cư trú: Korea (Hàn Quốc); vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 04/4/2017 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị A và anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc theo Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền Hàn Quốc cấp ngày 03/9/2008 và được Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng ghi chú vào sổ đăng ký kết hôn số 993 quyển số: 08/2008 ngày 18/12/2008 (Giấy xác nhận về việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền nước ngoài số 3934/STP-XN ngày 18/12/2008). Sau khi kết hôn chị A sang Hàn Quốc chung sống với anh E. Quá trình chung sống chỉ hòa thuận được 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do khoảng cách tuổi tác hai

bên chênh lệch nhiều, bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống không phù hợp. Bên cạnh đó, anh E thường uống rượu say vào cuối tuần và đánh đập chị A. Do cuộc sống chung với anh E không có hạnh phúc nên chị A đã trốn khỏi nhà chồng ra bên ngoài đi làm cho đến năm 2015 thì quay trở về Việt Nam sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm với anh E không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh E.

Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, giữ nguyên lời trình bày tại bản tự khai và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh anh E để ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến*:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa anh E và chị A đã sâu sắc không còn khả năng đoàn tụ, các bên đương sự đều thống nhất ly nên chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh E; về con chung và tài sản sản chung: Các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh E vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông báo việc Tòa án đang giải quyết việc xin ly hôn giữa chị A và anh E và đề nghị anh E cho biết quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A. Ngày 04/4/2018, Tòa án nhận được văn bản số 789/CH-BTP ngày 15/3/2018 của Bộ Tư pháp thông báo về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư

pháp của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, cho đến thời điểm mở phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/5/2018, Tòa án vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác. Ngay sau khi hoãn phiên tòa, ngày 10/5/2018, Tòa án đã có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài; đã thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao ngày 04/6/2018. Cho đến nay đã hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày có văn bản gửi Bộ Tư pháp nhưng Tòa án vẫn không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tống đạt cho anh E. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh E theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh E và chị Nguyễn Thị A kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc theo Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền Hàn Quốc cấp ngày 03/9/2008 và được Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng ghi chú vào sổ đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh E là hợp pháp. Ngay từ khi chung sống, anh E và chị A đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do các bên bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm sống; khoảng cách tuổi tác chênh lệch. Do mâu thuẫn, chị A đã bỏ trốn ra ngoài để đi làm, không chung sống với anh E nhiều năm nay và hiện tại mỗi người ở một quốc gia, không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị A phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa hai bên, phù hợp với tình trạng thực tế gia đình và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[5] Chị A phải chịu án phí ly hôn và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A trình bày quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 3637 ngày 20/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 10548 ngày 10/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án, anh E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Nơi nhận:***
- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Minh Phương**